

CÁCH XUNG HÔ TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI THANH HOÁ

LÊ THỊ VÂN

(Cao học NN K11, Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá)

1. Trong giao tiếp từ xưng hô có vai trò quan trọng trong việc thể hiện mối quan hệ giữa những người trực tiếp tham gia và người được nhắc đến trong giao tiếp. Về đại thể từ xưng hô được hiểu là bao gồm toàn bộ những từ dùng để xưng hoặc để hô của con người trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, với mục đích thiết lập tiếp xúc giữa các nhân vật tham gia giao tiếp và duy trì diễn biến giao tiếp. Đồng thời bộc lộ thái độ tình cảm cũng như vị thế của những người tham gia giao tiếp trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Trong một gia đình người Việt ở giai đoạn hiện tại một cách đầy đủ nhất có thể hiện tồn 10 thế hệ. Nếu lấy “mình” làm điểm trung tâm để tính, có thể hình dung thứ bậc trong gia đình lớn đó như sau: *kị mình* <= *cụ mình* <= *ông mình* <= *bố mình* <= *bản thân mình* <= *con mình* <= *cháu mình* <= *chít mình* <= *chít mình*. Trên thực tế ở dạng biểu kiến chúng ta chỉ gặp các gia đình hiện tồn tối đa năm thế hệ đó là: *ông mình* <= *bố mình* <= *mình* <= *con mình* <= *cháu mình*. Tuy nhiên các gia đình người Việt hiện tồn năm thế hệ là rất hiếm, ngay cả hiện tồn bốn thế hệ “*tứ đại đồng đường*” trên thực tế không còn nhiều. Các gia đình người Việt hiện nay chủ yếu tồn tại ba thế hệ *ông bà - cha mẹ - con cái* và xu hướng ngày nay nội bộ gia đình người Việt phổ biến là hai thế hệ gồm cha mẹ và con cái. Như vậy, giao tiếp xưng hô trong nội bộ gia đình người Việt diễn ra chủ yếu giữa các thành viên cùng một thế hệ với nhau và giữa các thành viên thuộc các thế hệ khác

nhau. Trong các mối quan hệ trên quy tắc ứng xử giữa các thành viên trong nội bộ gia đình người Việt nhìn chung là rất nghiêm ngặt và ổn định. Những yếu tố chi phối quy tắc ứng xử đó trước hết là luật tôn ti, sau đó là chuẩn mực xã hội về đạo đức, phong tục tập quán của một cộng đồng. Trong đó luật tôn ti có hiệu lực tuyệt đối quyết định xưng hô giữa các thành viên trong gia đình và có tính ổn định và bền vững qua các thế hệ người Việt. Chẳng hạn luật này quy định các thành viên thế hệ trước luôn ở vị thế cao hơn so với các thành viên ở thế hệ sau (không có sự can thiệp của tuổi tác).

2. Trong giao tiếp ngôn ngữ xưng hô tuy chịu sự chi phối nghiêm ngặt của luật tôn ti nhưng xưng hô trong gia đình người Việt không phải là một thiết chế chặt chẽ, ổn định, bất biến mà là một đại lượng biến thiên làm thành một hệ thống bao gồm các hiện tượng trung tâm và các hiện tượng ngoại biên được hiện thực hoá đa dạng và sinh động trong giao tiếp. Và cũng chính vì thế ngôn ngữ xưng hô mới đáp ứng được nhu cầu thể hiện mình trong giao tiếp của con người khi nó được ý thức là một hành vi mang tính xã hội. Xưng hô trong gia đình người Thanh Hoá vừa có cái chung, vừa có nét riêng biệt, là một điểm thú vị.

Thứ nhất: Trong tiếng Việt toàn dân và các phương ngữ khác, xưng hô trong quan hệ gia đình thường được sử dụng thành cặp tương ứng giữa xưng và hô theo quan hệ thứ bậc (trên - dưới) và theo quan hệ dòng họ (nội- ngoại). Cặp xưng hô tương ứng theo quan hệ thứ bậc như: *ông/ bà/ cháu, bố/mẹ/ con, anh, chị/ em*. Cặp xưng hô

tương ứng theo quan hệ dòng họ như : *cô/ bác (bên nội) - dì/ bác (bên ngoại); mẹ/ bác (bên ngoại) - thím bác (bên nội) - cậu/ bác (bên ngoại)*. Tuy nhiên kết quả khảo sát tiếng địa phương Thanh Hoá ở 19 huyện thị cho thấy, cách xưng hô tiếng địa phương Thanh Hoá trong nhiều trường hợp đã bị nhòa đi quan hệ thứ bậc và quan hệ dòng họ. Chẳng hạn: *o/ua* (biến thể của *cô* trong tiếng Việt toàn dân), dùng để gọi cả em gái và chị gái của bố và gọi mẹ kế, cụ thể là ở các điểm điều tra: Như Thanh, Hậu Lộc, Đông Sơn, Tĩnh Gia, Thọ Xuân, Nga Sơn, Nông Cống, Yên Định gọi em gái bố là *o*. Trong khi đó ở Vinh Thịnh- Vinh Lộc gọi chị của bố/ mẹ bằng *o*. Đặc biệt hơn ở Xã Quảng Tiến - Sầm Sơn mẹ kế cũng được gọi bằng *o*, em gái mẹ ở phường Trường Sơn - thị xã Sầm Sơn cũng được gọi là *o*, cậu dùng để gọi cả em trai và anh trai của mẹ, *cu* dùng để gọi cả em trai và con trai. Đây là trường hợp quan hệ thứ bậc bị nhòa đi. Còn với những trường hợp như: *bác/ bác* (biến thể của từ *bác* trong tiếng Việt toàn dân để gọi anh bố (bên nội) và gọi anh của mẹ (bên ngoại)). Đặc biệt ở Như Thanh và một số địa phương khác *mự* (biến thể của *mợ* trong tiếng Việt toàn dân), vừa để gọi vợ của chú (em bố), vừa để gọi vợ của cậu (anh/ em mẹ). Cách gọi này rất phổ biến ở Trấn Bến Sung Như Thanh. Hay trường hợp *dì* (em mẹ) vừa để gọi em gái của mẹ vừa để gọi vợ của em trai mẹ (xã Quảng Tiến- Sầm Sơn). Những trường hợp trên quan hệ dòng họ dường như không còn ranh giới rạch ròi. Mặt khác, như đã biết xưng gọi trong tiếng Việt toàn dân thường chú ý tới sự đối lập về giới tính. Tuy nhiên thế đối lập này đôi khi bị phá vỡ trong xưng hô của người Thanh Hoá. Chẳng hạn: *bác/ bác* (biến thể của *bác* trong tiếng Việt toàn dân) vừa để gọi anh bố, anh mẹ, chồng của chị bố, chị mẹ, lại vừa để gọi chị bố/mẹ.

Thứ 2: Giống như tiếng Việt toàn dân, xưng hô trong gia đình người Thanh Hoá chủ yếu sử dụng các đại từ có nguồn gốc từ danh từ thân tộc. Tuy nhiên ngôn ngữ xưng hô trong gia đình Thanh Hoá vẫn sử dụng

các đại từ đích thực như *tôi, tao, mày, chúng mày, chúng nó*, và các biến thể của chúng trong những ngữ cảnh nhất định. Thường những đại từ này được dùng bởi những người bậc trên xưng và gọi với những người dưới mình như bố/ mẹ với con, ông/ bà với con cháu, cô, dì, chú, bác, với cháu, anh/ chị với em. Đặc biệt khả năng sử dụng của đại từ *tôi* trong tiếng Thanh Hoá là rất phong phú và đa dạng.

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Hoàng Trọng Canh [1,tr.28] thì xưng hô trong gia đình người Hà Tĩnh không dùng đại từ xưng hô *tôi* đối với người bề trên xưng hô với con cháu và ngược lại. Nếu người bề trên dùng *tôi* để xưng với con cháu lại cho là thiếu tình cảm là lạnh lùng xa cách. Nếu con cháu dùng *tôi* xưng với người lớn hơn mình thì sẽ bị đánh giá là xác lược và hỗn láo. Người Hà Tĩnh chỉ dùng biến thể của *tôi* là *tui* để xưng hô trong gia đình và có sự phân biệt sắc thái rất rõ giữa *tôi* và *tui*. Trong khi đó ở nhiều gia đình người Thanh Hoá từ *tôi* được người trên dùng xưng với người dưới và trong nhiều trường hợp người đó vẫn có thể sử dụng với người có vị thế cao hơn mình. Trong gia đình người Thanh Hoá con cháu có thể dùng *tôi* (không dùng các biến thể của *tôi*) để xưng với những người trên mình như ông, bà, chú, bác mà không bị đánh giá là thiếu sự tôn trọng với người trên. Tuy nhiên theo kết quả điều tra của chúng tôi cách xưng hô như vậy thường không có ở độ tuổi con cháu chưa lập gia đình mà chủ yếu là đối với những người đã trưởng thành (nhiều nhất là độ tuổi trung niên). Và cặp xưng hô tương ứng thường là *tôi- ông/ bà, bố/ mẹ, anh/ chị*. Điều này có thể được lí giải là do tâm lí do cảm thấy mình đã thực sự trưởng thành và có đủ sự tự tin khi đứng trước *ông, bà, cha mẹ*, nhất là trong những cuộc giao tiếp có tính chất quan trọng của gia đình. Còn khi *tôi* được người trên dùng thì có thể xảy ra 2 khả năng: 1, *Tôi* (không dùng các biến thể của *tôi*) là cách xưng hô có sắc thái tôn trọng của những người trên đối với những người dưới mình khi người dưới mình có một địa vị xã

hội nhất định. 2; Tôi (và các biến thể của tôi) là cách xưng thể hiện thái độ lạnh nhạt của người trên đối với người dưới khi người trên không vừa lòng, phật ý. Và cặp xưng hô tương ứng thường là *tôi - anh/ chị*, chứ không dùng đúng vai. Chẳng hạn như cuộc thoại sau:

Ví dụ 1:

A: (Mẹ). Chủ nhật tuần ni (này) các con mang cháu về chơi với mẹ một ngày nhà!

B (con). Chủ nhật này các cháu phải học thêm tiếng Anh mẹ ạ.

A (mẹ). *Tôi* nhớ cháu thì mới nói rứa (thế), tuy anh chị, *tôi* mần chi (gì) có quyền.

Sự thay đổi cặp xưng hô từ mẹ - con chuyển sang tôi - anh chị thể hiện sự chuyển đổi cảm xúc của người mẹ, từ xưng *tôi* thể hiện thái độ phật ý.

Một điều thú vị nữa mà chúng tôi nhận ra qua khảo sát thực tế từ 15 cặp anh em sinh đôi ở Thanh Hoá là phần lớn các cặp song sinh nam thường dùng cặp xưng hô "tôi- xưng tên". Khi ấy từ *tôi* được sử dụng với sắc thái trung tính. Cách xưng hô này chỉ xưng hô trong độ tuổi thanh niên:

Ví dụ 2: Phong (anh): Mai tôi đi Hà Nội rồi, Cảnh ở nhà nhớ giúp đỡ bố mẹ và giúp đỡ Hương cún học bài nhé!

Cảnh (em): Phong yên tâm đi thi cho tốt, đừng lo lắng nhiều tôi hứa là sẽ làm tròn nhiệm vụ.

Phong: Hứa đấy nhé, khi về tôi sẽ có quà cho Cảnh.

Khi được hỏi tại sao không xưng hô với nhau là anh/ em chúng tôi đều được một câu trả lời chung là họ cảm thấy thân mật như bạn bè và cảm thấy gần bố khăng khít khi xưng hô như vậy. Tuy nhiên khi đã có gia đình thì họ thường xưng hô theo vai, xưng là *chú/ bác*.

Trong quan hệ vợ chồng *tôi* được vợ hoặc chồng dùng để xưng thường thể hiện hai sắc thái tình cảm khác nhau hoặc trung tính hoặc thể hiện thái độ tình cảm lạnh nhạt, thờ ơ khi vợ chồng giận nhau. Theo khảo sát của chúng tôi ở vùng Như Thanh trong quan hệ gia đình cũng rất hay dùng *tui* (biến thể của *tôi*) mà không có sự phân biệt

sắc thái rõ rệt như người Hà Tĩnh. *Tui* thường được các cặp vợ chồng độ tuổi 55 trở đi xưng hô với nhau, xưng là *tui* và gọi vợ/ chồng bằng *ông/ bà*.

Ví dụ 3:

Ông: Hôm nay bà đi chợ mua cho tui một lạng chè khô hè.

Bà: Chi rứa, tui mới mua cho ông cách đây ba ngày mà.

Ông: Hôm qua còn nửa lạng tui cho ông Thuần rồi.

Bà: Có rứa chứ!

Qua những cứ liệu phân tích ở trên ta thấy đại từ nhân xưng *tôi* trong tiếng Việt được sử dụng rất linh hoạt và còn mang dấu ấn riêng của từng thổ ngữ trên dải đất xứ Thanh.

Thứ 3: Một đặc điểm nổi bật nữa trong ngôn ngữ xưng hô của gia đình người Thanh Hoá là cách xưng hô lấy con làm trung tâm. Đây là đặc điểm chung của phương ngữ Trung (giống với phương ngữ Nghệ Tĩnh).

Khảo sát ở một số huyện thị như: Thạch Thành, Cẩm Thuỷ, Như Thanh, Như Xuân, và Thành phố Thanh Hoá chúng tôi thấy rằng trong gia đình họ nội cũng như họ ngoại ở những gia đình này thường gọi *cháu, chắt* bằng *con* và thường xưng mình một cách đầy đủ như ông/ bà xưng với cháu bằng ông nội; bà nội; *bà dì* xưng với cháu bằng *bà dì + tên riêng*.

Ông xưng với cháu:

Ví dụ 4: - Con lại đây ông nhờ một tí nào!

Ví dụ 5: Bà dì xưng với cháu:

- Chiều nay bà dì La nấu phở cho con ăn, thích không?

Trong khi đó *cháu, chắt* thường xưng hô tương ứng là *con- ông/ bà; con- bác/ chú/ cô/ dì/ + tên riêng*. Bên cạnh đó *cháu, chắt* còn xưng tên riêng của mình với ông bà, chú bác, cô dì, mà không bị đánh giá là hỗn hào, xác lược. Chẳng hạn:

Ví dụ 6: - Vần đi chợ mua đồ ăn sáng cho bà nội nhé! (cháu nói với bà)

- Lài kho cá nhừ rồi, về bà dì La cắt thịt ba chỉ vô kho tộ cho ngon. (cháu nói với dì).

Đối với người Thanh Hoá xưng hô trong gia đình cái quan trọng không phải là thể hiện đúng vai, vị thế, tôn ti, mà để bộc lộ tình cảm, tăng sự gần gũi và gắn bó giữa các thành viên trong gia đình.

Cách xưng hô lấy con làm trung tâm còn thể hiện ở chỗ, ở nhiều địa phương trong tỉnh có sự phân biệt rất rõ giữa các cặp vợ chồng chưa có con và có con. Khi chưa có con chàng rể được mọi người trong gia đình gọi là *anh nhiều*, *bố nhiều* hoặc *anh/ con/ cháu*, còn nàng dâu được gọi là *chị nhiều*, *mẹ nhiều* .. tùy theo từng mối quan hệ. Cách gọi này còn được ghi lại trong ca dao Thanh Hoá:

Trông chừng bóng đã xế chiều
Bóng ai như bóng cô *nhiều* trên đường
[Ca dao su tầm ở Thanh Hoá, tr. 99]
Anh *nhiều* đi học không thầy
Làm bài không bút, thiệp rày theo anh.
[Ca dao su tầm ở Thanh Hoá, tr. 98]

Bài ca dao này còn được tác giả chú thích là: “Ghi ở Xuân Hinh - Thọ Xuân. Anh nhiều: Tên gọi chung cho những chàng trai đã có vợ nhưng chưa có con” [Ca dao su tầm ở Thanh Hoá, tr.98].

Khi họ đã có con thì mọi người thường lấy tên con gọi tên cho bố mẹ. Chẳng hạn, nếu con đầu là Hải thì bố mẹ sẽ được gọi là *anh/ chị Hải*, *ông/ bà Hải*, *bác Hải* theo các vai khác nhau. Sự thay thế cách gọi này sâu sắc đến nỗi qua thời gian mọi người có thể quên cả tên thật của họ một cách rất tự nhiên (cách xưng hô như thế này giống với cách xưng hô trong gia đình người Bắc Bộ). Đặc biệt khảo sát ở Như Thanh, Như Xuân, chúng tôi biết thêm một điều thú vị nữa là ở đây tên của cháu đích tôn không chỉ được dùng để gọi tên cho bố mẹ, ông bà mà còn để gọi tên cho cả các bác các chú bên nội. Nếu cháu đích tôn tên là Hùng thì bác (anh trai bố) sẽ được gọi là *bác Hùng*, chú (em trai bố) được gọi là *chú Hùng*. Phải chăng đây là cách gọi phản ánh hệ tư tưởng phong kiến *trọng nam khinh nữ* vốn đã ăn sâu trong suy nghĩ của người dân xứ Thanh. Bên cạnh việc lấy tên con để gọi tên cho bố mẹ

người Thanh Hoá xưng hô trong gia đình thường dùng yếu tố mang nét nghĩa giới tính (trai, gái) để xưng hô. Điều này thể hiện ở việc dùng các yếu tố *cu*, *hĩm*, *cò*, *chẽm*, *buồi*, *tet* trong xưng gọi ở lối giao tiếp mộc mạc bình dân. Nếu cặp vợ chồng sinh con trai đầu thì người chồng sẽ được gọi là: *Bố cò*, *bố cu*, *bố buồi*, mẹ sẽ được gọi là *mẹ cu*, *mẹ cò*. Nếu sinh con gái thì bố sẽ được gọi là *bố hĩm*, *bố tet*, còn mẹ được gọi là *mẹ hĩm*, *mẹ tet*, *mẹ chẽm*. Khi đi vào thực tế nghiên cứu chúng tôi nhận ra một điều thú vị rằng trong cách xưng hô người Thanh Hoá có sự phân biệt về giới tính ngay cả đối với vợ và chồng trong cùng một vấn đề là cặp vợ chồng ấy sinh được con trai hay con gái, chẳng hạn yếu tố chỉ giới tính *buồi* chỉ dùng cho người chồng và không gọi cho người vợ, trong khi đó yếu tố *chẽm* chỉ thường dùng cho người vợ. Điều này không có trong các phương ngữ khác. Trong phương ngữ Nghệ Tĩnh cũng dùng các yếu tố giới tính để xưng hô song không có sự phân biệt như trong phương ngữ Thanh Hoá. Ở Nghệ Tĩnh những từ *đị* (sinh con gái đầu lòng), *giái* (sinh con trai đầu lòng), vẫn được dùng cho cả vợ và chồng. Sự khác biệt này mang đậm nét văn hoá vùng miền. Bên cạnh đó trong tiếng địa phương Thanh Hoá thông thường cách gọi theo tên con hoặc theo giới tính của con là thay thế nhau nhưng có những trường hợp cả hai cách gọi được gộp vào một lần gọi. Chẳng hạn như: *Bố cu Hải*, *mẹ cu Hải*.

Trong xưng hô với anh, chị, em, cô, dì, chú, bác trong gia đình cặp vợ chồng thường sử dụng cách xưng hô theo vai của con. Chẳng hạn em gái thì thay bằng *dì*, em gái của mẹ mình thì gọi bằng *bà dì*.

Như vậy trong tiếng địa phương Thanh Hoá cách xưng hô lấy con làm trung tâm đã chi phối mạnh mẽ cách xưng hô đúng vai và theo đó xưng hô trong gia đình người Thanh Hoá trở nên phong phú và linh hoạt.

Thứ 4: Trong ngôn ngữ xưng hô của gia đình người Việt tên tục chỉ được sử dụng khi đối tượng được gọi tên còn nhỏ thường ở độ

tuổi chưa cấp sách đến trường. Việc sử dụng tên tục không chỉ mang ý nghĩa tín ngưỡng (đối với các gia đình hiếm con hoặc khó nuôi con) mà còn thể hiện tình cảm âu yếm của người sử dụng đối với đứa trẻ ở gia đình. Qua khảo sát ở Thanh Hoá chúng tôi thấy trong các gia đình sử dụng tên tục để gọi con là rất nhiều. Ví dụ: Tại gia đình nhà ông *Lê Đức Thuần, số nhà 233 khu phố 2, thị trấn Bến Sung, Như Thanh* chúng tôi đã thống kê được những tên tục sau: *Cu Li, cu Bé, cu Đen, cu Đỏ, Tẻm, Sắn, Tũm Tũm, Lỗ, Tây Đen*. Và còn rất nhiều gia đình khác ở Thanh Hoá sử dụng tên tục như vậy. Các tên tục ấy thường không đi liền với tín ngưỡng mà là những tên gọi âu yếm trong gia đình, và cũng không phải được đặt một cách ngẫu nhiên mà gắn liền với những đặc điểm về ngoại hình, tính cách của trẻ, hoặc gắn với một kỉ niệm nào đó của gia đình. Ví dụ tên tục *Lỗ* nhà ông *Lê Đức Thuần* gọi cho tên thật là *Lê Kim Chi* (cháu nội), tên tục *lỗ* có xuất xứ từ một đặc điểm khi nhỏ của đứa trẻ đây là phía trước đầu không có tóc giống như nhân vật *Lỗ Trí Thâm* trong phim Trung Quốc. Sức sống mãnh liệt của tên tục chúng ta thấy rất rõ trong gia đình người Việt. Tuy nhiên điều đáng nói ở đây là ở vùng nông thôn Thanh Hoá tên tục không chỉ được sử dụng một cách âu yếm ngày nhỏ của đứa trẻ mà còn được dùng đến khi con cháu đã trưởng thành thậm chí khi đứa trẻ ấy đã lập gia đình thì vẫn sử dụng tên tục, vợ xưng hô với chồng bằng tên tục. Chẳng hạn: Chồng tên tục là *Đen* thì khi có vợ người vợ sẽ gọi là anh *Đen*; bố *Đen*. Điều đáng nói ở đây là sự duy trì tên tục trong các gia đình nông thôn Thanh Hoá diễn ra một cách tự nhiên xuất phát từ cả hai phía. Khi gọi con cháu, anh em trong nhà bằng tên tục họ cảm thấy gần gũi và thân mật hơn. Và khi xưng với người trong gia đình dùng tên tục của mình họ cảm thấy gắn kết hơn với gia đình. Như vậy có thể nói xưng hô bằng tên tục trong gia đình ở vùng nông

thôn Thanh Hoá không những không cản trở khả năng giao tiếp, mất tự tin mà ngược lại đó là lối xưng hô đầy tình cảm mang lại cảm giác bé bỏng mà gần gũi và thân quen với những người trong gia đình.

3. Như vậy xưng hô trong gia đình người Thanh Hoá thường lấy con làm yếu tố trung tâm, tạo nên những kiểu xưng hô theo vai một cách linh hoạt thể hiện tình cảm ấm áp mật thiết của những con người cùng huyết thống. Bên cạnh đó việc dùng yếu tố mang nét nghĩa giới tính (trai/ gái) của người Thanh Hoá đã làm cho từ xưng hô trong gia đình của người Thanh Hoá phong phú hơn, những cách gọi: *mẹ cu, mẹ cò, mẹ hũm, mẹ tet, mẹ chẽm, bố chẽm* trong các mối quan hệ trong gia đình khiến giao tiếp trở nên cởi mở hơn và trong nhiều trường hợp có hiệu quả giao tiếp cao so với các từ xưng hô toàn dân. Mặt khác cách xưng hô này cũng phản ánh một khía cạnh văn hoá đặc trưng về cách ứng xử trọng nam hơn nữ của người Thanh Hoá nhất là ở các vùng nông thôn.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Trọng Canh (2009), *Từ địa phương Nghệ Tĩnh một khía cạnh ngôn ngữ văn hoá*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
2. Trương Thị Diễm (1997), *Từ xưng hô có nguồn gốc từ danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn Vinh- Nghệ An.
3. Nguyễn Văn Khang chủ biên (1989), *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*, Nxb Văn hoá- Thông tin- Hà Nội.
4. Hoàng Phê (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH Trung tâm từ điển học
5. Tạ Thị Thanh Tâm (2009), *Lịch sử trong giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 08-11-2011)